

Bản án số: **48/2023/HS-ST**
Ngày: 31 - 7 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Điền và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN T1 - Sinh năm 1999.

Nơi sinh: Xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1975. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Không.

Tạm giam: Từ ngày 18/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Trọng T, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

1. Anh Châu Văn C, sinh năm 1999 (*Vắng mặt*).
2. Anh Vũ Đình Đ, sinh năm 2001 (*Có mặt*).
3. Anh Đặng Ngọc N, sinh năm 2001 (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T1 là đối tượng bỏ nhà đi lang thang từ tháng 8/2022, thường xuyên chơi game tại các quán internet trên địa bàn huyện B nên quen anh Vũ Đình Đ trú tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. T1 biết anh Đ đang làm thuê (phụ xe chở hàng) cho gia đình chị Đặng Thị H1 ở thôn B, xã T, buổi tối hằng ngày anh Đ thường ngủ tại kho nhà chị H1 (ở cạnh đường tỉnh lộ 394) nên T1 xin anh Đ cho ngủ nhờ. Anh Đ hỏi chị H1 cho T1 ngủ nhờ cùng mình, chị H1 đồng ý.

Khoảng 02 giờ ngày 14/4/2023, anh Trần Trọng T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn trắng đen BKS 34B2-018.36 đến gửi nhờ tại kho nhà chị H1 để đi làm. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T1 ngủ dậy phát hiện thấy xe mô tô của anh T nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T1 quan sát thấy không có ai ở trong kho nên lấy tuốc nơ vít có sẵn ở kho tháo phần nhựa ở bụng xe, tháo giắc cắm ổ khóa điện rồi đấu nối trực tiếp nguồn điện mà không qua ổ khóa. Sau khi thấy đèn nguồn điện của xe báo sáng, T1 nổ máy đi đến tỉnh Bắc Ninh tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, T1 vào cửa hàng sửa xe (không xác định được địa chỉ) thay khóa điện mới rồi đi chơi lang thang trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 mang xe đến cửa hàng cầm đồ Quốc C1 có địa chỉ tại khu Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (do anh Ngô Văn D, sinh năm 1994, trú tại thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh làm chủ) gặp anh Châu Văn C là nhân viên cửa hàng để cầm cố. Anh C hỏi giấy tờ và nguồn gốc xe thì T1 nói đó là xe của T1, giấy tờ T1 để ở nhà, anh C tin tưởng nên đồng ý cầm cố cho T1 với số tiền 2.000.000đ. Sau đó T1 đi lang thang, chơi game tại khu vực thành phố B và tiêu sài hết số tiền trên.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh T đi làm về vào kho lấy xe để đi về nhà thì phát hiện mất xe. Anh T hỏi những người làm thuê cho nhà chị H1 thì được anh Đặng Ngọc N, sinh năm 2001, trú tại thôn B, xã T cho biết buổi sáng anh N nhìn thấy T1 đi xe của anh T nên anh T nhờ anh Đ liên lạc với T1 và bảo T1 mang xe về trả. Ngày 15/4/2023, anh Đ truy cập internet để chơi game thì thấy tài khoản chơi game của T1 đang trong trạng thái hoạt động, anh Đ liên lạc, nói chuyện thì

biết được T1 đang chơi game tại thành phố B nên anh Đ và anh N cùng nhau đến gặp T1 (hiện không xác định được địa điểm) động viên T1 mang xe về trả cho anh T thì được T1 cho biết đã cầm cố lấy 2.000.000đ tiêu sài hết. Ngày 15/4/2023, anh T trình báo Công an xã T nội dung vụ việc. Công an xã T đã xác minh sơ bộ và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B theo thẩm quyền. Ngày 16/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B cùng anh T đến quán cầm đồ Quốc C1 gặp anh C. Anh T nhận ra xe của mình, đề nghị được xin lại và trả cho anh C số tiền 2.000.000đ, anh C tự nguyện giao lại xe mô tô BKS 34B2-018.36 cho Cơ Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện B kết luận: Xe mô tô BKS 34B2-018.36 của anh Trần Trọng T trị giá 7.000.000đ.

Ngày 21/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe mô tô BKS 34B2-018.36 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Trọng T. Anh T nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại anh số tiền 2.000.000đ anh đã bỏ ra để chuộc xe.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 27/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và nhất trí với Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND huyện B. Bị cáo công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 08 tháng đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T1 phải bồi thường trả lại cho bị hại anh Trần Trọng T số tiền 2.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Trần Văn T1:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, của bị hại, người làm chứng; kết quả thực nghiệm điều tra; kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/4/2023, tại thôn B xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trần Văn T1 đã có hành vi chiếm đoạt của anh Trần Trọng T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn trắng đen BKS 34B2-018.36 trị giá 7.000.000đ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích cầm cố lấy tiền sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô Yamaha Sirius BKS 34B2-018.36 có trị giá 7.000.000đ

nên có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo lười lao động, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Ngày 16/4/2023, anh Trần Trọng T đã trả cho anh Châu Văn C số tiền 2.000.000đ để lấy lại chiếc xe mô tô BKS 34B2-018.36. Đến nay, anh T yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại anh số tiền 2.000.000đ mà anh đã bỏ ra để chuộc lại chiếc xe do đó cần buộc bị cáo T1 phải trả lại cho anh T số tiền 2.000.000đ là phù hợp.

[6.2] Anh Châu Văn C nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 34B2-018.36 cho T1 với số tiền 2.000.000đ, ngày 16/4/2023 anh C đã nhận số tiền 2.000.000đ từ anh T và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 21/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe mô tô BKS 34B2-018.36 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Trọng T là nên về vật chứng không đặt ra xem xét.

[8] Về các vấn đề khác: Anh Châu Văn C nhận cầm cố xe mô tô BKS 34B2-018.36 của T1 nhưng không biết đó là tài sản do T1 trộm cắp mà có; Quán sửa xe đã thay ổ khóa điện cho T1 nhưng không xác định được ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 **09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải bồi thường trả lại cho bị hại anh Trần Trọng T số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Trọng T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Trần Văn T1 chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm thi hành được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Bộ phận HSNV - CA huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hải